



PHỤ LỤC 01: BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE DU LỊCH QUỐC TẾ
hành kèm theo Quyết định số 173/QĐ-PTT ngày 3/10/2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện

Đơn vị: VND

GÓI BẢO HIỂM	LC1	LC2	LC3	LC4	LC5	LC6	LC7	LC8	LC9
SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH) CỦA GÓI BẢO HIỂM /NGƯỜI/CHUYẾN ĐI	250,000,000	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	1,750,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
A. CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE VÀ TAI NẠN									
I. TAI NẠN CÁ NHÂN VÀ HỖ TRỢ Y TẾ									
I.1. Tai nạn cá nhân									
I.1.1. Tử vong hay Thương tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn và hậu quả dẫn tới tử vong trong vòng 90 ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn									
NDBH (dưới 66 tuổi)	STBH/chuyển	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	1,750,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
Trẻ em dưới 18 tuổi theo Chương Trình Bảo Hiểm Hộ Gia Đình	STBH/chuyển	125,000,000	187,500,000	312,500,000	437,500,000	625,000,000	750,000,000	937,500,000	1,250,000,000
I.2. Thương tật Bộ Phận Vĩnh Viễn do Tai nạn									
NDBH (dưới 66 tuổi)	STBH/chuyển	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	1,750,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
Trẻ em dưới 18 tuổi theo Chương Trình Bảo Hiểm Hộ Gia Đình	STBH/chuyển	125,000,000	187,500,000	312,500,000	437,500,000	625,000,000	750,000,000	937,500,000	1,250,000,000
2. Chi Phí Y Tế do Tai nạn, Ốm Bệnh									
Điều Trị Nội Trĩ, Điều Trị Trong Ngồi									
NDBH (dưới 66 tuổi)	STBH/chuyển	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	1,750,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
NDBH (từ 66 tuổi trở lên)	STBH/chuyển	250,000,000	375,000,000	625,000,000	875,000,000	1,250,000,000	1,500,000,000	1,875,000,000	2,500,000,000
Điều Trị Ngoại Trĩ	STBH/chuyển	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
Chi phí y tế phát sinh khi trở về Việt Nam									
+ Nếu NDBH dưới 66 tuổi	STBH/chuyển	75,000,000	112,500,000	187,500,000	262,500,000	375,000,000	450,000,000	562,500,000	750,000,000
+ Nếu NDBH từ 66 tuổi trở lên	STBH/chuyển	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
- Điều trị bằng thảo dược, châm cứu, nắn khớp xương và nắn xương	STBH/ vụ	5,000,000	5,000,000	5,000,000	5,000,000	5,000,000	5,000,000	5,000,000	5,000,000
3. Trợ cấp nằm viện Điều Trị Nội Trĩ do Tai nạn, Ốm Bệnh	STBH/ngày	250,000	500,000	750,000	1,250,000	2,500,000	3,000,000	3,750,000	5,000,000
4. Vận chuyển y tế khẩn cấp	STBH/chuyển	2,500,000	5,000,000	7,500,000	12,500,000	25,000,000	30,000,000	37,500,000	50,000,000
5. Đưa thi hài về Việt Nam	STBH/chuyển	250,000,000	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
6. Đưa thi hài về Nước Nguyên Xứ	STBH/chuyển	25,000,000	50,000,000	75,000,000	125,000,000	250,000,000	300,000,000	375,000,000	500,000,000
7. Thăm viếng tại Bệnh Viện	STBH/chuyển	12,500,000	25,000,000	37,500,000	62,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000



PHỤ LỤC 01: BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE DU LỊCH QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173/QĐ-PTI ngày 31/12 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện)

8. Bảo hiểm bắt buộc xếp việc tang lễ	STBH/chuyển	12,500,000	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
9. Chăm sóc trẻ em	STBH/chuyển	12,500,000	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
II. QUYỀN LỢI BỔ SUNG										
10. Du lịch mạo hiểm	STBH/chuyển	250,000,000	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	1,750,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
11. Tự động gia hạn HDBH	số ngày/chuyển	3 ngày	3 ngày	3 ngày	3 ngày	3 ngày	3 ngày	3 ngày	3 ngày	3 ngày
12. Bảo hiểm trong trường hợp Khủng Bố Tối đa 2.500.000.000đ/vụ	STBH/chuyển	250,000,000	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	1,750,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
13. Hỗ trợ chi phí học hành của trẻ em dưới 18 tuổi (tối đa không quá 2 con/chuyển)	STBH/con	25,000,000	50,000,000	75,000,000	125,000,000	175,000,000	250,000,000	300,000,000	375,000,000	500,000,000
B. CÁC QUYỀN LỢI NGOÀI BẢO HIỂM SỨC KHỎE VÀ TẠI NẠN										
HỒ TRỢ ĐI LẠI VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC										
14. Hỗ trợ y tế toàn cầu và hỗ trợ du lịch	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm
15. Cắt bớt hay hủy bỏ Chuyển Đi	STBH/chuyển	12,500,000	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
16. Hoàn Chuyển Đi	STBH/chuyển	12,500,000	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
17. Hành lý cá nhân	STBH/chuyển	12,500,000	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
18. Hành lý bị đến chậm	STBH/chuyển	2,500,000	5,000,000	7,500,000	12,500,000	17,500,000	25,000,000	30,000,000	37,500,000	50,000,000
19. Mất Giấy Tờ Thông Hành	STBH/chuyển	1,250,000	2,500,000	3,750,000	6,250,000	8,750,000	12,500,000	15,000,000	18,750,000	25,000,000
20. Chuyển Đi bị trì hoãn	STBH/chuyển	1,250,000	2,500,000	3,750,000	6,250,000	8,750,000	12,500,000	15,000,000	18,750,000	25,000,000
21. Lỡ nối chuyến	STBH/chuyển	625,000	1,250,000	1,875,000	3,125,000	4,375,000	6,250,000	7,500,000	9,375,000	12,500,000
22. Bồi hoàn khấu trừ bảo hiểm đối với phương tiện thuê	STBH/chuyển	12,500,000	25,000,000	37,500,000	62,500,000	87,500,000	125,000,000	150,000,000	187,500,000	250,000,000
23. Bất cứ làm con tin Tối đa 2.500.000.000đ/vụ	STBH/ngày/người (Tối đa 30 ngày)	250,000	500,000	750,000	1,250,000	1,750,000	2,500,000	3,000,000	3,750,000	5,000,000
24. Trách nhiệm cá nhân khi ở nước ngoài	STBH/chuyển	7,500,000	15,000,000	22,500,000	37,500,000	52,500,000	75,000,000	90,000,000	112,500,000	150,000,000
25. Hỗ trợ tổn thất tư gia vì hỏa hoạn	STBH/chuyển	25,000,000	50,000,000	75,000,000	125,000,000	175,000,000	250,000,000	300,000,000	375,000,000	500,000,000
26. Bảo hiểm trường hợp không tặc Tối đa 2.500.000.000đ/vụ	STBH/mỗi 12h/người	5,000,000	10,000,000	15,000,000	25,000,000	35,000,000	50,000,000	60,000,000	75,000,000	100,000,000
27. Bảo lãnh viện phí	STBH/mỗi 12h/người	125,000	250,000	375,000	625,000	875,000	1,250,000	1,500,000	1,875,000	2,500,000
	STBH/chuyển	250,000,000	500,000,000	750,000,000	1,250,000,000	1,750,000,000	2,500,000,000	3,000,000,000	3,750,000,000	5,000,000,000
	Khi hóa đơn thanh toán vượt quá	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm	Bao gồm

(*Đối với hợp đồng tham gia Chương Trình Bảo Hiểm Hộ Gia Đình (bao gồm bố, mẹ và 01 con hợp pháp dưới 18 tuổi), NDBH tham gia chương trình sẽ được hưởng chương trình bảo hiểm cùng Số Tiền Bảo Hiểm, ngoại trừ đối với quyền lợi bảo hiểm "Tại Nạn cá nhân", Số Tiền Bảo Hiểm của NDBH dưới 18 tuổi sẽ bằng 25% STBH của bố, mẹ.

Handwritten signatures and initials in blue ink.